

# CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH THÁI NGUYÊN



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

*Thái Nguyên, tháng 4 năm 2026*

Số: 98 /BC-CTCPNS

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 4 năm 2026

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4600100109  
Do Sở KH&ĐT Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 25/12/2009, cấp thay đổi lần 7 ngày 14/2/2023.
- Vốn điều lệ : 160.000.000.000 (Một trăm sáu mươi tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 160.000.000.000 (Một trăm sáu mươi tỷ đồng).
- Trụ sở chính : Tổ 101, đường Bến Oánh, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.
- Điện thoại : (+84).0208.3851537
- Fax : (+84).0208.3852976
- Website : <http://www.nuocsachthainguyen.vn>
- Mã cổ phiếu : TNW

#### Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh Nước sạch Thái Nguyên (theo Quyết định

*Chữ ký*

số: 2691/QĐ- UBND ngày 22/10/2009 của UBND tỉnh Thái Nguyên). Công ty tiến hành phiên họp Đại hội cổ đông lần thứ nhất vào ngày 20/12/2009 và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 01/01/2010.

#### **Những dấu mốc kể từ ngày Công ty được thành lập:**

- **Năm 1962:** Nhà máy nước Túc Duyên được thành lập.
- **Ngày 31/12/1992:** Doanh nghiệp Nhà nước: Nhà máy nước Bắc Thái được thành lập theo Quyết định số 753/QĐ-UB ngày 31/12/1992 UBND tỉnh Bắc Thái.
- **Ngày 24/11/1993:** Nhà máy nước Bắc Thái được đổi tên thành Công ty Cấp nước Bắc Thái, tại Quyết định số 746/UB-QĐ ngày 24/11/1993 UBND tỉnh Bắc Thái.
- **Ngày 04/4/1997:** UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 681/QĐ-UB về việc đổi tên Công ty Cấp nước Bắc Thái thành Công ty Cấp nước Thái Nguyên.
- **Ngày 07/10/2005:** UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2088/QĐ- UBND về việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và đổi tên Công ty Cấp nước Thái Nguyên thành Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Thái Nguyên.
- **Ngày 22/10/2009:** UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2691/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch Thái Nguyên thành Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.
- **Ngày 21/10/2014:** UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2338/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu doanh nghiệp và phương án phát hành cổ phần, tăng Vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên lên 160 tỷ đồng.
- **Ngày 25/4/2017:** Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đối với Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên kể từ ngày 25/4/2017.
- **Ngày 26/5/2017:** Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu TNW đầu tiên tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

#### **2. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty:**

<u>Stt</u>	<u>Tên ngành</u>	<u>Mã ngành</u>
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước;	3600 (Chính)
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;	1104
3	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;	4322
4	Lắp đặt hệ thống điện;	4321
5	Xây dựng nhà các loại;	4210
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (công nghiệp, thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật);	4290

7	Hoạt động tư vấn quản lý (tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình);	7020
8	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khoan thăm dò và khoan khai thác nước ngầm; Khảo sát địa hình, địa chất công trình; Thiết kế hệ thống cấp nước, thoát nước công trình dân dụng, công nghiệp, nông nghiệp; Thiết kế công trình công nghiệp; Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp, công trình điện năng; Giám sát xây dựng công trình dân dụng, cấp thoát nước, đường dây và trạm điện;	7110
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;	6810
10	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;	5210
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (Chi tiết: Bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy);	5221
12	Cho thuê xe có động cơ;	7710
13	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;	8130
14	Sản xuất khác chưa phân vào đâu (Chế tạo thiết bị ngành nước);	3290
15	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

**Địa bàn kinh doanh:** Tỉnh Thái Nguyên

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

*3.1. Mô hình quản trị:*

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban Kiểm soát.
- Tổng Giám đốc.

*3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:*

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị: 05 thành viên
- Ban kiểm soát: 03 thành viên
- Tổng Giám đốc: 01 thành viên
- Bộ máy quản lý thuộc quyền điều hành của Tổng Giám đốc:
  - + Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng: 03 thành viên
  - + Các phòng chức năng: 05
  - + Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng: 01
  - + Chi nhánh xí nghiệp: 10

*3.3. Công ty con: :*



(1) Công ty TNHH Xây dựng công trình nước sạch Thái Nguyên

- Địa chỉ: Tổ 101, đường Bến Oánh, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.

- Vốn điều lệ thực góp: 3.000.000.000 VND (Ba tỷ đồng)

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 100% vốn điều lệ

(2) Công ty TNHH Friend

- Địa chỉ: Tổ 101, đường Bến Oánh, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và tiêu thụ nước tinh khiết và các đồ uống không cồn, đồ uống có cồn.

- Vốn điều lệ thực góp: 1.000.000.000 VND (Một tỷ đồng)

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con: 100% vốn điều lệ

#### 4.4. Công ty liên kết:

(1) Công ty Cổ phần Doinco Việt Nam

- Địa chỉ: Số 15, ngõ 155/74/20, phố Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội.

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước; sản xuất điện; đầu tư tài chính dài hạn.

- Vốn điều lệ thực góp: 232.498.900.000 đồng (Hai trăm ba mươi hai tỷ, bốn trăm chín tám triệu, chín trăm nghìn đồng).

- Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty liên kết: 35,91 % vốn điều lệ thực góp.

#### 4. Định hướng phát triển:

##### 4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động và đóng góp ngân sách Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Tiếp tục nghiên cứu thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp phù hợp với quy định pháp luật của Nhà nước, tình hình thực tế tại địa phương và bảo đảm công tác phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đầu tư trong lĩnh vực ngành nghề chính là Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch sinh hoạt.

##### 4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Thực hiện Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

### 4.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

Đảm bảo mục tiêu không ảnh hưởng môi trường trong quá trình thực hiện các dự án và trong quá trình sản xuất kinh doanh như: Bảo tồn nguồn nước, tiết kiệm nguồn nước sạch (nước mặt và nước ngầm), tiết kiệm năng lượng, sử dụng các máy móc thiết bị, hóa chất xử lý nước thân thiện với môi trường ..., đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ an sinh xã hội, đáp ứng được nhu cầu sử dụng nước bảo đảm yêu cầu vệ sinh của cộng đồng.

### 5. Các rủi ro:

- Giá bán nước sinh hoạt (thẩm quyền do UBND tỉnh quyết định) điều chỉnh chưa kịp thời khi chi phí sản xuất tăng lên.

- Số lượng khách hàng và mức sử dụng nước sạch của khách hàng sau khi vận hành các dự án thường thấp hơn cam kết của khách hàng trước khi thực hiện dự án, dẫn đến sản lượng, doanh thu không đạt như mong muốn, làm giảm hiệu quả kinh doanh.

- Các dự án, công trình sửa chữa, cải tạo, nâng cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật giao thông, đô thị trong tỉnh đã buộc Công ty phải chi phí dịch chuyển, sửa chữa, thay mới các tuyến ống, ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và kiểm soát hao hụt/thất thoát nước.

- Tỷ lệ hộ khách hàng sử dụng cả nguồn tự khai thác nước giếng khoan để sử dụng cao nên mức sử dụng nước sạch bình quân các hộ khách hàng hàng tháng thấp hơn mục tiêu tại Quyết định số 2502/QĐ-TTg ngày 22/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Điều chỉnh định hướng phát triển Định hướng cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xung đột vũ trang trên thế giới và rủi ro về thiên tai, dịch bệnh ở trong nước ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, xã hội nói chung và ảnh hưởng đến mức độ tiêu thụ nước sạch và hiệu quả kinh doanh của Công ty nói riêng.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ hoàn thành KH năm 2025	TH năm 2025 so với TH năm 2024
1	Sản lượng nước thương phẩm	m <sup>3</sup>	17.380.000	18.301.414	105,3%	107,4%
	- Khu vực cổ phần	m <sup>3</sup>	16.758.000	17.670.449	105,4%	107,6%
	- Khu vực chưa cổ phần	m <sup>3</sup>	622.000	630.965	101,4%	102,9%
2	Tỷ lệ thất thoát	%	18,80	18,43	-0,37	-3,3 %
	- Khu vực cổ phần	%	18,83	18,33	-0,50	-3,4 %
	- Khu vực chưa cổ phần	%	17,39	20,77	3,38	-1,9 %
3	Mở mạng khách hàng mới	Hộ	2.250	2.828	125,6%	126,6%
4	Tổng doanh thu	1.000đ	234.937.344	251.991.346	107,2%	109,3%
5	Nộp ngân sách	1.000đ	6.494.335	6.401.962	98,5%	64,8%

*Handwritten signature*

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ hoàn thành KH năm 2025	TH năm 2025 so với TH năm 2024
6	Lợi nhuận sau thuế	1.000đ	246.484	18.459.410	7.489%	Tăng 23,0 Tỷ đồng
	- Khu vực cổ phần	1.000đ	7.403.379	25.811.543	348,6%	947,5%
	- Khu vực chưa cổ phần	1.000đ	-7.156.895	-7.352.133	102,7%	100,7%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	%	2,78	9,7	348,9 %	866,0%
8	Tổng số lao động	Người	450	445	98,9%	99,1%
9	Thu nhập bình quân/người/tháng	1.000đ	11.500	11.650	101,3%	102,0%

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự điều hành quyết liệt của Ban Tổng Giám đốc, sự quyết tâm, đoàn kết của toàn thể cán bộ, người lao động Công ty, năm 2025 Công ty đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh, hiệu quả kinh doanh đạt cao, an toàn cấp nước trên địa bàn của Công ty; nộp ngân sách Nhà nước đầy đủ theo số phát sinh; bảo đảm đời sống, việc làm, chế độ của người lao động được thực hiện đầy đủ, thu nhập bình quân tăng trưởng. An ninh trật tự trong Công ty được giữ vững. Các hoạt động xã hội, từ thiện, phong trào văn hoá, văn nghệ, thể thao được duy trì tốt và đạt được nhiều thành tích.

## 2. Tổ chức và nhân sự:

### 2.1 Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ, ngành nghề đào tạo chuyên môn	Số CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 27/3/2026)
1.	Nguyễn Xuân Học	TGD	1971	Cử nhân Kinh tế	3.449.232
2.	Nguyễn Văn Tiến	PTGD	1969	Kỹ sư Quản trị DN	1.656.984
3.	Lê Huy Phú	PTGD	1983	Kỹ sư Cấp Thoát nước, Kỹ sư Tự động hoá	1.657.032
4.	Nguyễn Minh Phương	Kế toán trưởng	1984	Cử nhân Kế toán	0

2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành: Không.

2.3 Số lượng cán bộ CNV-LĐ thuộc công ty tính đến hết ngày 31/12/2025:

Tổng số: 445 người.

2.4 Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước và quy chế nội bộ của Công ty; năm 2025 HĐQT nghị quyết thông qua

sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế Thi đua – Khen thưởng về việc nâng mức khen thưởng đối với một số trường hợp có thành tích trong công tác.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

#### a) Các khoản đầu tư lớn:

Công ty đã và đang thực hiện 29 công trình, với tổng giá trị là 26,975 tỷ đồng, trong đó: Đã quyết toán 15 công trình với tổng giá trị là 9,126 tỷ đồng; đang thi công, thực hiện: 12 công trình với tổng giá trị là 14,964 tỷ đồng.

#### b) Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con và công ty liên kết không có biến động, thay đổi lớn so với năm trước.

### 4. Tình hình tài chính:

#### a) Tình hình tài chính (theo Báo cáo tài chính hợp nhất):

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/Giảm
1	Tổng giá trị tài sản	đồng	828.323.171.395	825.483.111.807	Giảm 0,3 %
	- Tài sản ngắn hạn	đồng	81.083.729.467	115.031.084.389	Tăng 41,9 %
	- Tài sản dài hạn	đồng	747.239.441.928	710.452.027.418	Giảm 4,9 %
2	Doanh thu thuần	đồng	230.077.135.111	248.278.531.312	Tăng 7,9 %
3	Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	đồng	(4.415.489.709)	24.523.047.061	Tăng 28,9 Tỷ đồng
4	Lợi nhuận khác	đồng	60.835.942	459.048.800	Tăng 654,6 %
5	Lợi nhuận trước thuế	đồng	(4.354.653.767)	24.982.095.861	Tăng 29,3 Tỷ đồng
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	(4.573.096.097)	18.459.410.243	Tăng 23,0 Tỷ đồng
	- Khu vực cổ phần	đồng	2.723.996.810	25.811.543.876	Tăng 847,6 %
	- Khu vực chưa cổ phần	đồng	(7.297.092.907)	(7.352.133.633)	Tăng 0,7 %
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	(286)	1.154	Tăng 1.440 đồng

#### b). Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

STT	Chỉ tiêu		Năm 2024	Năm 2025
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	0,46	0,64
	- Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	lần	0,38	0,55
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			

STT	Chỉ tiêu		Năm 2024	Năm 2025
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,76	0,73
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	3,08	2,76
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	lần	8,5	7,8
	- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản)	lần	0,28	0,30
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số P sau thuế/ DT thuần	lần	(0,02)	0,07
	- Hệ số P sau thuế/ Vốn CSH	lần	(0,02)	0,08
	- Hệ số P sau thuế/ Tổng TS	lần	(0,006)	0,022
	- Hệ số P từ HĐKD/ DT thuần	lần	(0,01)	0,08

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

#### a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 16.000.000 cổ phần, bao gồm 100 % là cổ phần phổ thông, trong đó:

+ Số lượng cổ phần do Nhà nước sở hữu: 6.763.200 cổ phần

+ Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 16.000.000 cổ phần

+ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không có

- Ngày 25/4/2017 Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đối với Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên kể từ ngày 25/4/2017:

+ Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên

+ Mã chứng khoán: TNW

+ Mã ISIN: VN000000TNW1

+ Sàn giao dịch: UPCOM

+ Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)

+ Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

+ Số lượng cổ phiếu đăng ký: 16.000.000 cổ phiếu

+ Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký: 160.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tỷ đồng)

+ Hình thức đăng ký: Ghi sổ

- Ngày 26/5/2017 Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu TNW đầu tiên tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

*b) Cơ cấu cổ đông (Tại thời điểm 27/3/2026):*

(1) Cơ cấu theo cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:

- Cổ đông lớn:	02 CĐ, nắm giữ	83,27 %	Vốn Điều lệ
- Cổ đông nhỏ:	328 CĐ, nắm giữ	16,73 %	Vốn Điều lệ

(2) Cơ cấu cổ đông là tổ chức và cá nhân:

- Cổ đông là tổ chức:	04 CĐ, nắm giữ	88,24 %	Vốn Điều lệ
- Cổ đông là cá nhân:	326 CĐ, nắm giữ	11,76 %	Vốn Điều lệ

(3) Cơ cấu cổ đông trong nước và nước ngoài:

- Cổ đông trong nước:	328 CĐ, nắm giữ	99,998%	Vốn Điều lệ
- Cổ đông nước ngoài:	02 CĐ, nắm giữ	0,002%	Vốn Điều lệ

(4) Cơ cấu cổ đông Nhà nước và cổ đông khác:

- Cổ đông Nhà nước:	01 CĐ, nắm giữ	42,27%	Vốn Điều lệ
- Cổ đông khác:	329 CĐ, nắm giữ	57,73%	Vốn Điều lệ

*c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có sự thay đổi.*

*d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.*

*e) Các chứng khoán khác: Không có.*

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:**

*6.1. Tác động lên môi trường:*

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không.

*6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:*

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm, dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Nước: 22.425.854 m<sup>3</sup>
- Clo lỏng: 117.870 kg
- Javen công nghiệp: 66.812 kg
- Phèn kép: 364.737 kg
- Vôi bột: 106.330 kg

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không.

*6.3 Tiêu thụ năng lượng:*

a) Điện năng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 5.993.853 KWh

b) Điện năng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không.

#### 6.4. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nước ngầm và nước sông Công. Lượng nước sử dụng: 22.425.854 m<sup>3</sup> khai thác để sản xuất nước sạch sinh hoạt.

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

#### 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

#### 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động bình quân: 445 người, mức tiền lương trung bình đối với người lao động: 11.650.000 đồng/người-tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ đối với người lao động theo pháp luật lao động hiện hành, hỗ trợ kinh phí cho người lao động thăm quan, nghỉ mát.

c) Hoạt động đào tạo:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: 12 giờ/người

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Học tập kỹ năng giao tiếp với khách hàng; học tập về công tác an toàn vệ sinh lao động; học tập, tập huấn về các văn bản mới; hội thảo, trao đổi kinh nghiệm, thăm quan...

#### 6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty đã thực hiện tốt việc cung cấp nước sạch đáp ứng nhu cầu đời sống và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn đô thị trong tỉnh, đảm bảo chất lượng, giá bán theo quy định; đầu tư cải tạo, nâng cấp mạng đường ống cấp nước nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ cấp nước; đầu tư mới hệ thống mạng đường ống cấp nước để mở rộng phạm vi khu vực được cấp nước, tăng số lượng người dân được sử dụng nước sạch sinh hoạt.

Giá bán nước đối với hộ nghèo được miễn từ 0 đến 10 m<sup>3</sup>/tháng, giá bán từ 11 m<sup>3</sup> trở lên thấp hơn 15,3% so các hộ dân khác.

Tham gia các chương trình ủng hộ từ thiện – xã hội do chính quyền địa phương và các đoàn thể chính trị - xã hội phát động.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự điều hành quyết liệt của Ban Tổng Giám đốc, sự quyết tâm đoàn kết của toàn thể cán bộ, người lao động, năm 2025 Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch, hiệu quả kinh doanh đạt cao, bảo đảm sản xuất kinh doanh ổn định, an toàn cấp nước trên địa bàn của Công ty; bảo đảm đời sống, việc làm, chế độ của người lao động; công tác an toàn vệ sinh lao động, an ninh trật tự trong Công ty được giữ vững; các hoạt động xã hội, từ thiện, phong trào văn hoá, văn nghệ, thể thao được duy trì tốt và đạt được nhiều thành tích.

#### 2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản: Tổng giá trị tài sản cuối kỳ (31/12/2025) là 825.483.111.807 đồng, trong đó Tài sản ngắn hạn là 115.031.084.389 đồng, Tài sản dài hạn 710.452.027.418 đồng. Tổng tài sản cuối kỳ giảm 0,34 %.

b) Tình hình nợ phải trả, các chỉ tiêu tài chính:

- Nợ phải trả: Bao gồm phải trả người bán, người mua trả tiền trước ngắn hạn, phải trả khác. Trên cơ sở về khả năng hoạt động, nhu cầu của thị trường ổn định, liên tục, mang lại nguồn thu tốt và tăng trưởng để thanh toán các khoản công nợ. Tổng nợ phải trả cuối kỳ giảm 3,1 %.

- Hệ số thanh toán ngắn hạn: 0,64

- Hệ số thanh toán nhanh: 0,55

- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản: 0,73

- Hệ số Nợ/ Vốn Chủ sở hữu: 2,76

#### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Thực hiện đánh giá hiệu quả công việc lao động hằng tháng, có cơ chế thưởng cán bộ, người lao động có thành tích mang lại hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Đầu tư các thiết bị tiên tiến để kiểm soát vận hành nhà máy, kiểm soát tỷ lệ hao hụt nước thương phẩm trên hệ thống mạng cấp nước.

- Đầu tư cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống cũ ảnh hưởng đến chất lượng nước cung cấp và gây thất thoát nước.

- Đầu tư xây dựng hệ thống đường ống truyền tải và phân phối mới để mở rộng vùng cấp nước, phát triển khách hàng mới để phát huy công suất của các nhà máy.

#### 5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến ngoại trừ của kiểm toán:

Ngày 09/11/2022 HĐQT Công ty có Nghị quyết số 59/NQ-HĐQT về việc thoái vốn đầu tư tại công ty liên kết, đến ngày 01/8/2023 HĐQT có Nghị quyết số 18/NQ-HĐQT về việc gia hạn hoàn thành thoái vốn trước ngày 31/12/2024. Theo Nghị quyết số 24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/6/2025 của ĐHĐCĐ thì thời gian thực hiện thoái vốn trong quý III năm 2025, tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện, do có nhiều nguyên

*Handwritten signature*

nhân ảnh hưởng dẫn tới thời điểm 31/12/2025 Công ty chưa hoàn thành. Tại thời điểm hiện nay Công ty đang làm việc với đơn vị tư vấn về thoái vốn tại công ty liên kết.

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:**

a) *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):* Công ty luôn quản lý, giám sát chặt chẽ công tác sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng, nguồn nước; duy trì tốt công tác vệ sinh môi trường, kiểm tra giám sát vùng bảo hộ vệ sinh nguồn nước sản xuất theo quy định.

b) *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:* Cán bộ, người lao động trong Công ty là những người được đào tạo cơ bản, có ý thức trách nhiệm trước công việc được giao, mong muốn được gắn bó làm việc và xây dựng Công ty phát triển.

c) *Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:* Công ty đã cung cấp các sản phẩm và dịch vụ bảo đảm chất lượng, chấp hành tốt pháp luật của Nhà nước và công tác xã hội tại địa phương.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

Nhất trí theo báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 (Mục III.1). Thời gian thực hiện thoái vốn chưa hoàn thành nguyên nhân do công tác định giá và tìm đơn vị tư vấn thoái vốn, sẽ không ảnh hưởng so với kế hoạch và kết quả sản xuất, kinh doanh. Nhà nước cần tái cơ cấu khu vực chưa cổ phần để không bị lỗ ảnh hưởng kết quả sản xuất, kinh doanh và cắt giảm dứt điểm khoản lỗ cho Nhà nước.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:**

Ban Tổng giám đốc đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho mỗi thành viên, duy trì trao đổi thông tin hàng ngày, bàn bạc, thống nhất cao trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; lãnh đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu đề ra; chấp hành tốt Điều lệ, nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty. HĐQT đánh giá kết quả các cá nhân Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

##### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:**

- Công tác sản xuất nước sạch và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước sạch là nhiệm vụ trọng tâm.

- Tiếp tục kiến nghị các cấp có thẩm quyền thực hiện tái cơ cấu lại các đơn vị sản xuất nước chưa cổ phần để không bị lỗ, ảnh hưởng kết quả sản xuất, kinh doanh và cắt giảm dứt điểm khoản lỗ cho Nhà nước.

- Kiến nghị điều chỉnh giá bán nước sạch hợp lý, có lộ trình và kịp thời với các biến động lớn ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, có cơ chế bù giá nước sinh hoạt tại địa phương để bảo đảm an sinh xã hội, khuyến khích người dân

sử dụng nước bảo đảm vệ sinh, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước, phát triển bền vững.

- Bổ sung thành viên HĐQT độc lập.
- Đổi mới hình thức khoán hiệu quả, phù hợp đối với từng công việc.
- Nghiên cứu, thực hiện đầu tư các dự án, công trình:
  - + Xây dựng, bổ sung mạng lưới cấp nước để nâng cao chất lượng và mở rộng vùng cấp nước.
  - + Đầu tư đường ống mạng cấp 3 để phát triển khách hàng;
  - + Đầu tư thay thế các tuyến ống cũ, ống thép cũ trước đồng hồ, sửa chữa lớn các tài sản cố định đã hư hỏng, xuống cấp;
  - + Đầu tư thiết bị, ứng dụng công nghệ số trong quản lý sản xuất, dịch vụ cấp nước.
  - + Nghiên cứu quy hoạch khu đất văn phòng Công ty phù hợp quy hoạch tỉnh Thái Nguyên và quy hoạch Dự án đô thị sông Cầu đang triển khai xây dựng, bảo đảm không ảnh hưởng công tác sản xuất kinh doanh chính của Công ty, đồng thời có thể sử dụng đa mục đích trong phát triển Công ty.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và Tên	Số CP có quyền biểu quyết (27/3/2026)	Chức vụ tại Công ty	Chức vụ tại công ty khác
1	Nguyễn Quang Mãi	7.972.646	Chủ tịch HĐQT	- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn quốc tế Đông Á. - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Ngô Việt Nam. - Chủ tịch HĐQT Công ty DOINCO Việt Nam. - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần VBIC Việt Nam.
2	Nguyễn Xuân Học	3.449.232	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	
3	Nguyễn Văn Tiến	1.656.984	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	
4	Nguyễn Bá Quyết	0	Thành viên HĐQT đến ngày 27/6/2025	
5	Lê Quang Hải	0	Thành viên HĐQT	
6	Nguyễn Văn Nam	0	Thành viên HĐQT từ ngày 27/6/2025	

*Nguyễn*

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT đã có 41 phiên họp để xem xét và quyết định các nội dung theo thẩm quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. Các buổi họp của HĐQT đều mời đại diện BKS tham dự. Các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ các cuộc họp. Nội dung và kết quả các cuộc họp được phản ánh đầy đủ tại Báo cáo quản trị công ty năm 2025 theo quy định.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: HĐQT chưa có thành viên độc lập.

e) Danh sách các thành viên HĐQT đào tạo về quản trị Công ty:

TT	Họ và Tên	Trình độ đào tạo
1	Nguyễn Bá Quyết	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
2	Nguyễn Văn Tiến	Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp

Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị trong năm: Không có.

## 2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 27/3/2026)
1	Vũ Khánh Lâm	Trưởng Ban	0
2	Hoàng Thị Huệ	Thành viên	13.611
3	Nguyễn Thị Mai	Thành viên	0

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS):

- BKS đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

- Tổ chức 05 cuộc họp theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; bám sát Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ, Nghị quyết ĐHĐCĐ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, cụ thể: Xem xét Báo cáo tài chính, Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và chương trình kế hoạch của Công ty theo định kỳ; xem xét đánh giá kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

- Tham gia với HĐQT trong việc đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

- Thường xuyên trao đổi giữa các thành viên BKS cũng như với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông;



**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát chi trong năm 2025:**

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích năm 2025:

Đơn vị tính: VND

TT	Diễn giải	Lương + phụ cấp	Thưởng	Thù lao	Các khoản khác (lễ, tết)	Tổng cộng
<b>A</b>	<b>HDQT</b>					
1	Nguyễn Quang Mão	-		506.000.000	7.200.000	<b>513.200.000</b>
2	Nguyễn Xuân Học	390.213.000		110.400.000	7.200.000	<b>507.813.000</b>
3	Nguyễn Bá Quyết	5.528.000		67.200.000	5.700.000	<b>78.428.000</b>
4	Nguyễn Văn Tiến	342.113.000		110.400.000	7.200.000	<b>459.713.000</b>
5	Lê Quang Hải	306.000.000		110.400.000	7.200.000	<b>423.600.000</b>
6	Nguyễn Văn Nam	-		43.200.000	1.500.000	<b>44.700.000</b>
<b>B</b>	<b>BKS</b>					
1	Vũ Khánh Lâm			316.250.000	7.200.000	<b>323.450.000</b>
2	Nguyễn Thị Mai			177.100.000	7.200.000	<b>184.300.000</b>
3	Hoàng Thị Huệ	264.100.647		80.870.000	7.700.000	<b>352.670.647</b>

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

\*) Tên cá nhân thực hiện giao dịch: Nguyễn Quang Mão

- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

- Mã chứng khoán: TNW

- Số lượng cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: 1.607.546 CP (tỷ lệ 10,05%).

- Số lượng cổ phiếu đăng ký bán: 1.400.000 CP

- Số lượng cổ phiếu đã bán: 990.000 CP

- Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 617.546 CP (tỷ lệ 3,86%)

- Lý do không thực hiện giao dịch hết số cổ phiếu đăng ký: Cổ phiếu không có thanh khoản.

- Ngày bắt đầu giao dịch: 25/11/2025

*Nguyễn Quang Mão*

- Ngày kết thúc giao dịch: 10/12/2025
- \*) Tên tổ chức thực hiện giao dịch: Công ty cổ phần VBIC Việt Nam
- Mã chứng khoán: TNW
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: 0 CP (tỷ lệ 0%)
- Tên của người có liên quan tại tổ chức niêm yết (TCNY): Nguyễn Quang Mãi
- Chức vụ hiện nay của người có liên quan (NCLQ) tại TCNY: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ hiện nay của NCLQ tại tổ chức thực hiện giao dịch: Chủ tịch HĐQT
- Số lượng cổ phiếu NCLQ đang nắm giữ: 1.607.546 CP (tỷ lệ 10,05%)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: 1.000.000 CP
- Số lượng cổ phiếu đã mua: 795.100 CP
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 795.100 CP (tỷ lệ 4,97%)
- Lý do không thực hiện giao dịch hết số cổ phiếu đăng ký: Chưa chuẩn bị đủ nguồn.
- Ngày bắt đầu giao dịch: 26/11/2025
- Ngày kết thúc giao dịch: 11/12/2025

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

- Hợp đồng nguyên tắc giữa Công ty với Công ty TNHH Xây dựng công trình Nước sạch Thái Nguyên (Là Công ty con) về việc thi công mở mạng phát triển khách hàng mới trên hệ thống mạng cấp nước của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật về quản trị Công ty, đặc biệt là tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ.

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến của kiểm toán:

- Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ: Ngày 27/6/2025 Công ty đã ban hành Nghị quyết số 24/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ về việc tiếp tục thoái vốn tại công ty liên kết của Công ty sau khi các nghị quyết trước đó ban hành năm 2022 và 2023 đã hết hiệu lực. Với những thông tin hiện có và bằng những thủ tục thay thế, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2025 hay không.

- Ý kiến kiểm toán ngoại trừ: Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp

với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Ban lãnh đạo Công ty đã xác nhận Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025, được công bố thông tin theo quy định và đăng tải trên địa chỉ Website của Công ty: <http://nuocsachthainguyen.vn> ./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Ban TGD;
- Lưu: VT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Nguyễn Quang Mãi**